DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KCN YÊN LƯ, HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG
(PHẦN CÓ ĐẤT THUỘC ĐỊA BÀN THÔN YÊN TẬP, XÃ YÊN LƯ - ĐỢT 8)

Địa điểm: Thôn Yên Tập, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

(Kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 30 tháng 05 năm 2024 của UBND huyện Yên Dũng)

STT	Họ tên chủ sử dụng đất	Vợ (Chồng)	Thông tin thửa đất theo BĐ bồi thường GPMB					Thông tin thửa đất theo sổ thôn						Diện tích thu hồi Trong chỉ giới (m2)	Thông tin xác nhận nguồn gốc sử dụng đất								Ghi chú
								DT giao trong sổ thôn			DT giao trong sổ đầu bờ												
			Tờ BĐ	Thửa đất	Diện tích BĐ	Loại đất	Xứ đồng	Diện tích	Số TT	Số trang	Diện tích	Số trang	Quyển số		Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm sử dụng ổn định(sổ thôn năm 2004) (m2)	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm dôi dư (so với sổ thôn năm 2004) (m2)	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm sử dụng ổn định(sổ thôn năm 2004) (m2)	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm dôi dư (so với sổ thôn năm 2004) (m2)	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm không giấy tờ về QSD đất, hộ gia đình sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004 (m2)	Đất nông nghiệp nuôi trồng thuỷ sản sử dụng ổn định(sổ thôn năm 2004) (m2)	Diện tích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm thuộc quỹ đất công ích của UBND xã Yên Lư, Ban Quản lý thôn Yên Tập (m2)	Diện tích đất nông nghiệp nuôi trồng thủy sảnthuộc quỹ đất công ích của UBND xã Yên Lư, Ban Quản lý thôn Yên Tập (m2)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18				20		21	
Tổng														**14.080,0**	**1.584,0**	**32,2**	**3.390,5**	**652,0**	**130,6**	**305,0**	**326,3**	**7.659,4**	
I	**Các hộ gia đình cá nhân thôn Yên Tập**																						
1	Lưu Văn Luân		165	604	1.616,2	LUC	Ngõ Ngoài	1584	1+2	57			6	1.616,2	1584	32,2							
2	Tạ Đức Toàn	Nhật	164	669	1.649,5	CLN	Cổng Sổ + Ngõ Tháp				1959 (2T)	48	3	1.649,5			1.649,5						
2	Tạ Đức Toàn	Nhật	164	725	305,0	NTS	Cổng Sổ + Ngõ Tháp				1959 (2T)	48	3	305,0						305,0			
3	Tạ Văn Kha	Trong	164	724	130,6	CLN	Cổng Sổ + Ngõ Tháp							130,6					130,6				
4	Tạ Văn Khanh		164	678	2.393,0	CLN	Cổng Sổ + Ngõ Tháp	1.741,0	4,5,6,7,8	14			2	2.393,0			1.741,0	652,0					
II	**Đất công ích do UBND xã quản lý**																						
1	UBND xã Yên Lư		165	403	1.693,8	NTS	Ngõ Ngoài							1.693,8								1.693,8	
1	UBND xã Yên Lư		165	494	2.895,5	NTS	Ngõ Ngoài							2.895,5								2.895,5	
1	UBND xã Yên Lư		165	637	326,3	LUC	Ngõ Ngoài							326,3							326,3		
1	UBND xã Yên Lư		164	146	1.098,0	NTS	Ngõ Tháp							1.098,0								1.098,0	
1	UBND xã Yên Lư		164	228	1.972,1	NTS	Ngõ Tháp							1.972,1								1.972,1	